

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác
theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của
Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày
23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-BTP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23
tháng 7 năm 2012 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và Nghị định số
32/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một
số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 về theo dõi
tình hình thi hành pháp luật;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1621/TTr-STP
ngày 16 tháng 12 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong công
tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa
phương có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 02 năm 2023.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và Theo dõi thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Vĩnh Long;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Hội Luật gia tỉnh; Đoàn Luật sư tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ban TCD-NC;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, 2.13.05.



Lữ Quang Ngời

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Phối hợp trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

*(Kèm theo Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, nội dung, trách nhiệm phối hợp của các đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

2. Quy chế này áp dụng đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh gồm sở và cơ quan ngang sở (sau đây gọi chung là sở); Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

Hoạt động phối hợp trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

1. Thực hiện một cách chủ động, thường xuyên, có trọng tâm, trọng điểm, tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và các quy định khác có liên quan. Đảm bảo khách quan, công khai, minh bạch.

2. Việc phối hợp phải đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; không làm ảnh hưởng đến hoạt động thường xuyên của các đơn vị, địa phương.

3. Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời giữa các đơn vị, địa phương đáp ứng yêu cầu về tiến độ, chất lượng và hiệu quả trong thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Điều 3. Nội dung phối hợp

1. Phối hợp trong xây dựng, ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

2. Phối hợp trong thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật.

3. Phối hợp trong kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật.

4. Phối hợp trong xem xét, đánh giá và xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

5. Phối hợp trong báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Chương II

HOẠT ĐỘNG PHỐI HỢP CỦA CÁC ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG TRONG CÔNG TÁC THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT

Điều 4. Phối hợp trong xây dựng, ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Hàng năm, căn cứ Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành và thực tiễn thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh, gửi về Bộ Tư pháp để theo dõi, tổng hợp trước ngày 30 tháng 01 của năm kế hoạch.

b) Các sở có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp có ý kiến góp ý vào nội dung dự thảo Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh khi có yêu cầu.

2. Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của các sở

a) Căn cứ Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh, các sở có chức năng quản lý nhà nước liên quan đến lĩnh vực trọng tâm được xác định trong Kế hoạch của tỉnh và tình hình thực tiễn quản lý nhà nước xây dựng, ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm của đơn vị mình. Các sở không có chức năng quản lý nhà nước liên quan đến lĩnh vực trọng tâm của tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thực tiễn thi hành pháp luật hoặc Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của bộ chủ quản để xây dựng, ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của đơn vị mình.

b) Bộ phận pháp chế hoặc người làm công tác pháp chế của các sở tham mưu Thủ trưởng đơn vị ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định.

c) Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của các sở được ban hành và gửi về Sở Tư pháp để theo dõi, tổng hợp theo thời hạn được quy định tại Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

3. Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Căn cứ Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh hàng năm và thực tiễn thi hành pháp luật tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn quản

lý và gửi về Sở Tư pháp để theo dõi, tổng hợp theo thời hạn được quy định tại Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

b) Phòng Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các phòng, ban có liên quan tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn quản lý theo quy định.

4. Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn quản lý và gửi về Phòng Tư pháp để theo dõi, tổng hợp theo thời hạn được quy định tại Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.

b) Công chức Tư pháp - Hộ tịch có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các công chức chuyên môn khác tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn quản lý theo quy định.

5. Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Mục đích, yêu cầu;
- b) Lĩnh vực pháp luật theo dõi, đánh giá;
- c) Các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật và tiến độ thực hiện;
- d) Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện kế hoạch;
- d) Kinh phí thực hiện kế hoạch.

Điều 5. Phối hợp trong thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật

1. Thông tin về tình hình thi hành pháp luật bao gồm những thông tin có nội dung quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

2. Thông tin về tình hình thi hành pháp luật được thu thập, tiếp nhận từ các nguồn quy định tại khoản 3 Điều 6 của Thông tư số 04/2021/TT-BTP.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền bằng các hình thức: Gửi văn bản đến cơ quan; liên hệ trực tiếp tại nơi tiếp công dân; qua Trang Thông tin điện tử; qua số điện thoại cơ quan, đường dây nóng; qua hòm thư điện tử của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc các hình thức phù hợp khác.

4. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, Công chức Tư pháp - Hộ tịch là đầu mối giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp thu thập, tiếp nhận thông tin về tình hình thi hành pháp luật do cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp bằng các hình thức theo

quy định tại khoản 3 Điều này; giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp nghiên cứu, phân tích, so sánh, đối chiếu và đánh giá thông tin về tình hình thi hành pháp luật thuộc thẩm quyền quản lý.

Trường hợp nếu thấy cần thiết làm rõ tính chính xác, khách quan của thông tin đã được thu thập, tiếp nhận, Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng Phòng Tư pháp, Công chức Tư pháp - Hộ tịch yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin giải trình đối với những vấn đề liên quan; tiến hành kiểm tra, xác minh thực tế.

Điều 6. Phối hợp trong kiểm tra tình hình thi hành pháp luật

1. Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm

a) Căn cứ Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thành lập Đoàn kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm và tổ chức kiểm tra trên thực tế.

b) Nội dung kiểm tra và tổ chức thực hiện kiểm tra tình hình thi hành pháp luật thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 2, khoản 3, Điều 4 Thông tư số 04/2021/TT-BTP.

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng được kiểm tra báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm tra; giải trình những vấn đề thuộc nội dung kiểm tra theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra.

2. Kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật

a) Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn quản lý.

b) Nội dung kiểm tra và tổ chức thực hiện kiểm tra tình hình thi hành pháp luật thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 2, khoản 3, Điều 4 Thông tư số 04/2021/TT-BTP.

3. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp kiểm tra tình hình thi hành pháp luật thuộc ngành, lĩnh vực hoặc phạm vi quản lý.

Điều 7. Phối hợp trong điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật

1. Sở Tư pháp chủ trì, tiến hành điều tra, khảo sát theo Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hằng năm; Phòng Tư pháp và Công chức Tư pháp - Hộ tịch tiến hành điều tra, khảo sát theo Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp.

2. Các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện các hoạt động điều tra, khảo sát tình

hình thi hành pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý; chủ trì thực hiện các hoạt động điều tra, khảo sát theo kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của đơn vị mình.

3. Việc điều tra, khảo sát được thực hiện thông qua phiếu khảo sát, hội thảo, tọa đàm, phỏng vấn trực tiếp và các hình thức phù hợp khác. Căn cứ yêu cầu của việc xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật, có thể huy động cộng tác viên tham gia thực hiện hoạt động điều tra, khảo sát.

4. Nội dung điều tra, khảo sát và đối tượng chủ yếu được điều tra, khảo sát được thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3, Điều 5 Thông tư số 04/2021/TT-BTP.

Điều 8. Phối hợp trong xem xét, đánh giá và xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Căn cứ kết quả thu thập thông tin, kết quả kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật, các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo các nội dung sau đây:

a) Ban hành kịp thời, đầy đủ các văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật;

b) Thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác tập huấn, phổ biến pháp luật; bảo đảm về tổ chức, biên chế, kinh phí và các điều kiện khác cho thi hành pháp luật;

c) Kịp thời tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật đã có hiệu lực;

d) Thực hiện các biện pháp nhằm bảo đảm tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật;

đ) Sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật;

e) Thực hiện các biện pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

2. Các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo đề nghị của Sở Tư pháp hoặc của sở trong phạm vi ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của sở.

Ủy ban nhân dân cấp dưới có trách nhiệm xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp.

3. Sở Tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện kịp thời xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật; tổng hợp, nghiên cứu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định.

Các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị trực thuộc kịp thời xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật; tổng hợp việc xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong báo cáo hằng năm gửi Sở Tư pháp.

4. Chậm nhất sau 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật, cơ quan, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật phải báo cáo bằng văn bản về tình hình, kết quả thực hiện các biện pháp nhằm khắc phục hạn chế, tồn tại và xử lý hành vi vi phạm được phát hiện trong quá trình theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Đối với các kiến nghị về việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật nêu tại báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật hằng năm do Sở Tư pháp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở và địa phương có trách nhiệm báo cáo tình hình xử lý các kiến nghị này gửi Sở Tư pháp trong quý I năm sau kỳ báo cáo.

5. Trong trường hợp phát hiện tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật hoặc quyết định áp dụng pháp luật chưa bảo đảm tính chính xác, vi phạm quy định pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thì Thủ trưởng các sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phải ban hành văn bản yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền kịp thời đính chính, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, ban hành mới văn bản theo đúng quy định của pháp luật.

Trường hợp phát hiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có quy định trái với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên thì người có thẩm quyền phải kịp thời xử lý văn bản trái pháp luật theo thẩm quyền được quy định tại Điều 120 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 9. Phối hợp trong báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật định kỳ hằng năm trên địa bàn tỉnh

a) Các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật của đơn vị, địa phương gửi về Sở Tư pháp. Sở Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp kết quả công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh trước ngày 10 tháng 12 hằng năm.

Thời gian chốt số liệu và thời gian gửi báo cáo về Sở Tư pháp được thực hiện theo quy định tại khoản 5, Điều 17 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8, Điều 1 Nghị định số 32/2020/NĐ-CP. Nội dung báo cáo thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư số 04/2021/TT-BTP.

b) Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật của đơn vị, địa phương gửi về Phòng Tư pháp. Phòng Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp) kết quả công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn huyện.

Thời gian chốt số liệu và thời gian gửi báo cáo được thực hiện theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Nội dung báo cáo thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư số 04/2021/TT-BTP.

2. Báo cáo đột xuất, báo cáo chuyên đề về tình hình thi hành pháp luật

a) Các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng báo cáo đột xuất, báo cáo chuyên đề về tình hình thi hành pháp luật ngành, lĩnh vực theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

b) Nội dung báo cáo, thời gian chốt số liệu và thời gian gửi báo cáo thực hiện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền.

3. Báo cáo tình hình xử lý các kiến nghị về việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật

a) Sở Tư pháp chủ trì xây dựng dự thảo báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

b) Các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin, số liệu liên quan khi có yêu cầu.

c) Nội dung báo cáo theo mẫu quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư số 04/2021/TT-BTP.

Điều 10. Sự tham gia, phối hợp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân

Căn cứ yêu cầu cụ thể của từng hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật, Ủy ban nhân dân các cấp đề nghị các cơ quan, tổ chức phối hợp thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo các nội dung sau:

1. Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cùng cấp cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân thông qua hoạt động công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp, xét xử.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và các tổ chức thành viên cung cấp thông tin, kiến nghị của Nhân dân thông qua hoạt động giám sát tình hình thi hành pháp luật.

3. Hội Luật gia tỉnh, Đoàn luật sư tỉnh cung cấp ý kiến, kiến nghị của các luật gia, luật sư về các vấn đề pháp lý liên quan đến tình hình thi hành pháp luật.

4. Các hội nghề nghiệp cung cấp ý kiến, kiến nghị của các doanh nghiệp, các hội viên về tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của văn bản pháp luật và các vấn đề có liên quan khác.

5. Các cơ quan thông tin đại chúng cung cấp ý kiến phản ánh của dư luận xã hội về tình hình thi hành pháp luật đến các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền bằng các hình thức phù hợp.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG TRONG PHỐI HỢP THỰC HIỆN CÔNG TÁC THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, đôn đốc các sở; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định pháp luật và quy định tại Quy chế này.

2. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương có liên quan xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh hằng năm theo quy định tại khoản 1, Điều 4 Quy chế này; tổ chức thực hiện các hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm của tỉnh theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Quy chế này.

3. Tổng hợp, xây dựng Báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh hằng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp theo quy định tại khoản 1, Điều 9 Quy chế này.

Xây dựng các báo cáo chuyên đề, đột xuất về tình hình thi hành pháp luật; báo cáo tình hình xử lý các kiến nghị về việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật trình cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2, khoản 3, Điều 9 Quy chế này khi được phân công, yêu cầu.

4. Tổ chức thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực phụ trách.

Điều 12. Trách nhiệm của các sở

1. Phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm của tỉnh hằng năm theo quy định tại Quy chế này.

2. Ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của đơn vị đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, khoản 5, Điều 4 Quy chế này.

3. Tổ chức thực hiện các hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật; chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực phụ trách.

4. Xây dựng báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật của đơn vị định kỳ hằng năm gửi Sở Tư pháp tổng hợp theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 9 Quy chế này.

Xây dựng các báo cáo chuyên đề, đột xuất về tình hình thi hành pháp luật; báo cáo tình hình xử lý các kiến nghị về việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật trình cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2, khoản 3, Điều 9 Quy chế này khi được phân công, yêu cầu.

Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm của tỉnh hằng năm theo quy định tại Quy chế này.

2. Ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại địa phương đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 3, khoản 5, Điều 4 Quy chế này.

3. Tổ chức thực hiện các hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật; chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

4. Xây dựng báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật của địa phương định kỳ hằng năm gửi Sở Tư pháp tổng hợp theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 9 Quy chế này.

Xây dựng các báo cáo chuyên đề, đột xuất về tình hình thi hành pháp luật; báo cáo tình hình xử lý các kiến nghị về việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại khoản 2, khoản 3, Điều 9 Quy chế này khi được yêu cầu.

Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Phối hợp với Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định.

2. Ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại địa phương đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 4, khoản 5, Điều 4 Quy chế này.

3. Tổ chức thực hiện các hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật; chỉ đạo, đôn đốc công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

4. Xây dựng báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật của địa phương định kỳ hằng năm gửi Phòng Tư pháp tổng hợp theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 9 Quy chế này.

Xây dựng các báo cáo chuyên đề, đột xuất về tình hình thi hành pháp luật; báo cáo tình hình xử lý các kiến nghị về việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại khoản 2, khoản 3, Điều 9 Quy chế này khi được yêu cầu.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí cho công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật của đơn vị, địa phương thuộc cấp nào do ngân sách nhà nước cấp đó bảo đảm và sử dụng trong dự toán ngân sách nhà nước được giao hằng năm của đơn vị.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí cho hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân và các tổ chức khác có liên quan trên địa bàn tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ của mình phối hợp thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tư pháp có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tư pháp theo quy định.

4. Trường hợp các quy định được dẫn chiếu trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, phản ánh kịp thời về Sở Tư pháp tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.